

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1298/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/08/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2726/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Đề án Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; số 1144/QĐ-UBND ngày 06/06/2018 về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; số 2230/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về việc phê duyệt Chủ trương lập Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở xây dựng (tại Tờ trình số 58/TTr-SXD và Báo cáo thẩm định số 327/BC-SXD ngày 03/8/2021) về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và đề nghị của UBND huyện Tuy An (tại Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 24/6/2021).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, với các nội dung chính sau:

1. Tên Chương trình

Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi ranh giới nghiên cứu là toàn bộ ranh giới hành chính của xã An Mỹ với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.354,5 ha.

3. Mục tiêu phát triển đô thị

Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Phú Yên đã được phê duyệt, Quy hoạch chung xây dựng thị trấn An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; phù hợp với chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTV-QH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh được quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh; xây dựng danh mục, lộ trình nâng loại đô thị An Mỹ; xác định danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị mới, mở rộng, cải tạo, tái thiết đô thị có chức năng chuyên biệt trên địa bàn, từ đó xác định kế hoạch đầu tư các dự án xây dựng phát triển, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị còn yếu, đảm bảo chất lượng cơ sở hạ tầng đô thị theo phân loại. Xây dựng lộ trình thực hiện, nguồn vốn thực hiện nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ cần làm (thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án) để đạt được mục tiêu của chương trình. Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển đô thị trong các giai đoạn 2120 - 2025, 2026 - 2030 và 2031 - 2035.

4. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị An Mỹ

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Quyết định 1659/QĐTTg	Nghị quyết 1210/2016/BTVQH13	Đề xuất 2025	Đề xuất 2035
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m ² /người)	28,84	29	29	29	≥29
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	87%	75%	85%	≥87%	100%
3	Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng	10,5%	≥20%	11%	11%	≥20%
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	0,5%	2-5%	1-2%	≥2%; nâng cấp chất lượng phục vụ	
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch	97,32%	70%	90%	100%	100%
6	Tiêu chuẩn cấp nước (lít/người.ngđ)	40	90	80	80	≥90
7	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước	21%	80-90%	80-90%	80%	90%
8	Tỷ lệ nước thải	0%	60%	11%	15%	50%

	sinh hoạt được thu gom và xử lý					
9	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	50%	100%		90%	100%
10	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	50%	95%		95%	100%
11	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch (%)	30%	25%		25%	25%
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý	60%	90%	60%	70%	90%
13	Tỷ lệ chiếu sáng đường chính	85%	90%	80%	100%; nâng cấp chất lượng, công nghệ	
14	Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm	27%	85%	50	50%	85%
15	Đất cây xanh (m ² /người)	568,8	5	7	Trồng và bảo vệ rừng, phát triển và cải tạo cảnh quan cây xanh	
16	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m ² /người)	0,7	3-5	3	Phát triển cây xanh công cộng	

5. Khu vực phát triển đô thị

Khu vực tập trung phát triển đô thị được xác định theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 06/06/2018).

5.1. Vùng cải tạo chỉnh trang

Được phát triển trên cơ sở khu vực dân cư hiện hữu, tiến hành chỉnh trang đô thị, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

5.2. Vùng phát triển đô thị mới dự kiến bố trí

- Khu vực phía Tây Quốc lộ 1.
- Khu vực dọc trục đường ĐT.649 (thôn Giai Sơn).

5.3. Vùng trung tâm (vùng lõi đô thị)

Phát triển khu vực dân cư hiện hữu trên cơ sở hiện trạng dân cư, phát triển lan toả theo các hướng, phía Đông Bắc đến khu vực Bàu Súng, phía Nam đến ranh giới xã An Chấn, phía Tây đến Quốc lộ 1.

- Khu đô thị số 1:

+ Vị trí: Khu dân cư phát triển mới phía Tây Quốc lộ 1, dân cư mật độ trung bình.

- + Quy mô diện tích: Khoảng 85 ha.
- + Quy mô dân số: Năm 2025: 3.000 người, năm 2030: 4.000 người.
- + Chức năng: Khu dân cư phát triển mới.
- Khu đô thị số 2: + Vị trí: Khu hành chính, dân cư trung tâm hiện hữu, phía nam đô thị, dọc tuyến ĐT.643.
- + Quy mô diện tích: Khoảng 137,3 ha.
- + Quy mô dân số: Năm 2025: 6.000 người, năm 2030: 8.500 người
- + Chức năng: Khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang, khu hỗn hợp, khu nhà vườn gắn kết không gian cảnh quan Bàu Súng.
- Khu đô thị số 3:
- + Vị trí: Phía Đông đô thị, dọc trục đường ĐT.649.
- + Quy mô diện tích: Khoảng 119,5 ha.
- + Quy mô dân số: Năm 2025: 4.500 người, năm 2030: 6.500 người.
- + Chức năng: Khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới, với loại hình dân cư kết hợp thương mại dịch vụ.
- Khu dân cư làng xóm - trang trại: Ngoài ba khu dân cư tập trung nêu trên, địa bàn đô thị An Mỹ còn có các nhóm dân cư rải rác bám dọc các trục đường liên thôn, các khu dân cư phát triển theo mô hình trang trại ở thôn Phú Hoà, quy mô khoảng 1.000 người.

Đối với các nhóm dân cư sống rải rác: Định hướng khoanh vùng hạn chế phát triển, khuyến khích người dân chuyển về sống tại các khu dân cư tập trung để được hưởng các đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

6. Danh mục chương trình, dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư

(Theo phụ lục đính kèm)

7. Nhu cầu vốn đầu tư và kế hoạch vốn

7.1. Tổng hợp nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn phát triển đô thị được xác định trên cơ sở khái toán kinh phí các hạng mục cần đầu tư xây dựng (tham khảo dựa trên suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020 do Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021).

Khái toán kinh phí không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hỗ trợ, bố trí tái định cư, chi phí đánh giá tác động môi trường cho các dự án và xử lý những tác động của dự án đến môi trường (nếu có); chi phí gia cố đặc biệt về nền móng công trình (nếu có).

Tổng nhu cầu vốn phục vụ phát triển đô thị An Mỹ giai đoạn đến năm 2035 là khoảng 2.727,970 tỷ đồng

7.2. Kế hoạch vốn

Với nhu cầu vốn cần thiết lớn, nguồn tài chính từ ngân sách địa phương sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu của tất cả các dự án. Do đó, cần phải huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau.

Nguồn vốn cho phát triển đô thị bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện); vốn đầu tư từ nước ngoài; vốn doanh nghiệp; vốn xã hội hóa.

Dự kiến phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị An Mỹ như sau:

*** Giai đoạn 2020 - 2025:**

- Vốn ngân sách: 550,86 tỷ đồng, chiếm 54,8 % tổng nhu cầu vốn
- Vốn ngoài ngân sách: 455,12 tỷ đồng, chiếm 45,2% tổng nhu cầu vốn.

*** Giai đoạn 2026 - 2030:**

- Vốn ngân sách: 448,10 tỷ đồng, chiếm 52%
- Vốn ngoài ngân sách: 414,44 tỷ đồng, chiếm 48%

*** Giai đoạn 2031 - 2035:**

- Vốn ngân sách: 317,625 tỷ đồng, chiếm 37%
- Vốn ngoài ngân sách: 541,825 tỷ đồng, chiếm 63%

8. Giải pháp và cơ chế chính sách thực hiện

8.1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

- Giải pháp về cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư: Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng các chính sách ưu tiên, ưu đãi khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật nhằm tạo ra mạng lưới hạ tầng đồng bộ, liên thông phục vụ có hiệu quả cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội khác; phát triển thị trường tài chính, tín dụng: Tạo điều kiện cho tất cả các ngân hàng, quỹ tín dụng mở rộng hoạt động trên địa bàn; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác thu ngân sách và quản lý sử dụng ngân sách.

8.2. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định hồ sơ xin cấp phép đầu tư.

- Tăng cường công tác quản lý dự án sau cấp phép đầu tư.

8.3. Giải pháp xây dựng, quản lý và thực hiện quy hoạch

- Rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng và tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng trên phạm vi toàn xã. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

- Tổ chức lập các quy hoạch phân khu trên cơ sở đồ án quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước xác định các khu vực phát triển đô thị, lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy định.

- Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc đối với các khu trung tâm đô thị làm cơ sở quản lý thiết kế, xây dựng các công trình kiến trúc.

- Triển khai và quản lý chặt chẽ thiết kế đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt, nâng cao chất lượng thiết kế kiến trúc công trình trong đô thị. - Xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch.

- Tập trung xây dựng phát triển một số khu vực đô thị trọng điểm làm điển hình và nhân rộng ra các khu vực đô thị khác;

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương trong triển khai lập, thẩm định quy hoạch. Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch.

8.4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp ngang tầm với yêu cầu quản lý và phát triển đô thị trong tình hình mới.

- Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, tuyển dụng nhân lực thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn theo đúng tiến độ

- Tổ chức hướng dẫn UBND huyện Tuy An trong công tác lập, phê duyệt và quản lý các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; kể cả các khu vực dân cư đô thị chỉnh trang, đảm bảo định hướng phát triển đô thị theo mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc chương trình, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút nguồn lực đầu tư theo Chương trình này và chủ trì xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển đô thị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu, đề xuất cơ chế chính sách về đất đai; quản lý và hướng dẫn quản lý đất đai hiệu quả, kịp thời xử lý trường hợp sử dụng đất sai mục đích.

4. Sở Tài chính

Tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

5. UBND huyện Tuy An

- Chủ trì triển khai công bố Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển đô thị tới các khu vực trên địa bàn mình quản lý có trong danh mục định hướng phát triển. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn cụ thể.

- Rà soát quy hoạch để lập và có hướng điều chỉnh các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho phù hợp với định hướng và lộ trình phát triển đô thị An Mỹ.

- Đề xuất các dự án trọng điểm đưa vào chương trình Nghị quyết HĐND hàng năm.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn.

- Tổ chức sơ kết tình hình thực hiện cho từng giai đoạn (5 năm một lần) thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

6. UBND xã An Mỹ

Tổ chức triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung Chương trình phát triển đô thị An Mỹ huyện Tuy An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 tới cộng đồng dân cư trên địa bàn để ủng hộ, thực hiện chương trình

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Tuy An; Chủ tịch UBND xã An Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hổ

Danh mục chương trình, dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã An Mỹ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn xây dựng
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG		
A1	Dự án giao thông		
1	Nâng cấp Quốc lộ 1	2.900 m	2020 - 2035
2	Nâng cấp ĐT.643 (trong đô thị)	3.500 m	2020 - 2035
3	Nâng cấp đường ĐT.649 (trong đô thị)	2.650 m	2020 - 2035
4	Đường N11	1.157 m	2020 - 2035
5	Đường N2	440 m	2020 - 2035
6	Đường N5	640 m	2020 - 2035
7	Đường ven biển	276 m	2026 - 2035
8	Đường D2	1.694 m	2026 - 2035
9	Đường D5	790 m	2026 - 2035
10	Đường N4	680 m	2026 - 2035
11	Đường N8 (trong đô thị)	253 m	2026 - 2035
12	Đường D4 (Đường gom QL.1)	1.517 m	2026 - 2035
13	Đường D3	1.608 m	2026 - 2035
14	Đường D10	962 m	2026 - 2035
15	Đường D12	720 m	2026 - 2035
16	Đường N1	328 m	2026 - 2035
17	Bến xe đối ngoại	1,6 ha	2026 - 2035
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa		
1	Kè ổn định, nạo vét các trục tiêu chính: Suối Thô		2020 - 2035
2	Kè, nạo vét, cải tạo hồ Bàu Súng		2020 - 2035
4	Xây dựng hệ thống cảnh báo, phòng chống sạt lở, lũ quét,...		2020 - 2035
5	Xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước mưa D600 - D3.000	39 km	2020 - 2035
A3	Dự án cấp điện		
1	Xây dựng tuyến hạ thế 0,4kV (sinh hoạt + chiếu sáng)	32 km	2020 - 2035
2	Xây dựng hệ thống đường dây 22kV nổi	2,5 km	2020 - 2035
3	Cải tạo, xây dựng mới 18 trạm biến áp	250 - 630 KVA	2020 - 2035
A4	Dự án cấp nước		
1	Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp	2000 m3 /ngày đêm	2020 - 2035
2	Xây dựng mạng lưới đường ống truyền tải D200, mạng lưới cấp nước dịch vụ D100 - D150	27,8 km	2020 - 2035

A5	Dự án thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang		
1	Quy hoạch nghĩa trang tập trung thôn Phú Hòa	4,5 ha	2020 - 2035
2	Rác thải thu gom đưa về khu xử lý chất thải rắn của tỉnh theo quy hoạch	20 tấn/ngày	2020 - 2035
3	Hệ thống đường ống thoát nước thải D300 - D400	25 km	2020 - 2035
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải cho khu đô thị	2.100 m ³ /ngày	2020 - 2035
5	Xây dựng trạm xử lý cho cụm công nghiệp	1.500 m ³ /ngày	2020 - 2035
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ		
B1	Công trình hành chính - văn hóa - thể thao		
1	Trung tâm hành chính thị trấn An Mỹ	1,24 ha	2020 - 2035
2	Trung tâm văn hóa cấp đô thị (cạnh trung tâm hành chính)	1,63 ha	2020 - 2035
3	Trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị	1,69 ha	2020 - 2035
4	3 trung tâm thể dục thể thao cấp đơn vị ở	2,1 ha	2020 - 2035
5	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa kết hợp trường mầm non tại các khu phố 1, 2, 3 (phân khu 1, 2, 3)		2020 - 2035
B2	Công trình thương mại dịch vụ		
1	Trung tâm thương mại dịch vụ, chợ đầu mối	2,7 ha	2020 - 2035
2	Chợ trung tâm xã	0,5 ha	2020 - 2035
3	Trung tâm thương mại dịch vụ dọc đường cơ động	2,42 ha	2020 - 2035
B3	Công trình y tế		
	Trung tâm y tế thị trấn (nâng cấp từ trung tâm y tế xã)	0,16 ha	2020 - 2035
B4	Công trình giáo dục		
2	Xây dựng mới trường trung học phổ thông	3,97 ha	2020 - 2030
4	Xây dựng trường THCS tại khu đô thị số 3	0,7 ha	2020 - 2035
5	Nâng cấp cải tạo các trường học trên địa bàn		2020 - 2030
B5	Công trình cây xanh công viên		
1	Công viên hồ trung tâm Bàu Súng	3,64 ha	2020 - 2035
2	Các khu công viên tại các khu đô thị	2,1 ha	2020 - 2035
C	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ		
	Xây dựng hạ tầng khu đô thị		
1	Khu dân cư khu đô thị trung tâm (PK đô thị số 2 - phía Đông QL.1)		2020 - 2035
2	Khu dân cư phân khu đô thị số 1 (phía Tây QL.1)		2020 - 2035
3	Khu dân cư phân khu đô thị số 3		2020 - 2035